

**NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Nhu cầu và dự kiến KH vốn năm 2023		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		KH vốn NSTW còn lại của giai đoạn 2023-2025		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước	Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước		Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước
										Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=10-13	16=11-14	17	18	19
<b>TỔNG SỐ</b>							<b>4,677,317</b>	<b>3,139,374</b>	<b>2,715,199</b>	<b>510,627</b>		<b>1,016,862</b>	<b>318,152</b>	<b>1,698,337</b>	<b>192,475</b>	<b>1,802,959</b>	<b>1,278,337</b>	<b>192,475</b>
<b>I</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>						<b>422,100</b>	<b>355,162</b>	<b>353,162</b>			<b>32,000</b>		<b>321,162</b>	<b>251,162</b>	<b>251,162</b>		
(1)	<b>Dự án chuyên tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023</b>						<b>90,000</b>	<b>90,000</b>	<b>88,000</b>			<b>32,000</b>		<b>56,000</b>	<b>56,000</b>	<b>56,000</b>		
1	Xử lý cấp bách các công trình đê điều tỉnh Hải Dương	B	H. Kim Thành, Nam Sách, Thanh Hà, Tứ Kỳ, Ninh Giang, TP Chí Linh, TPHD	4,23 km đê và xây dựng mới 09 công dưới đê	2021-2023	1199; 23/4/2021	90,000	90,000	88,000			32,000		56,000	56,000	56,000		
(2)	<b>Dự án khởi công mới năm 2023</b>						<b>332,100</b>	<b>265,162</b>	<b>265,162</b>					<b>265,162</b>	<b>195,162</b>	<b>195,162</b>		
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các huyện Cẩm Giàng, Kinh Môn, Tứ Kỳ, Gia Lộc - tỉnh Hải Dương	B	H. Cẩm Giàng, Tứ Kỳ; thị xã Kinh Môn	173 ha	2023-2024	3866, 23/12/2016; 3516, 08/10/2019	72,000	35,162	35,162					35,162	35,162	35,162		
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (vùng sản xuất bắc và nam sông Cừu An)	B	Huyện Ninh Giang	175 ha	2023-2024	3148, 02/11/2016; 21/NQ-HĐND, 12/7/2021	90,100	60,000	60,000					60,000	60,000	60,000		
3	Dự án nạo vét và gia cố kênh trung thủy nông Sắt - Phú, huyện Bình Giang	B	H. Bình Giang	Tưới 1.929 ha đất canh tác; tiêu 2.134 ha	2023-2025	25/NQ-HĐND; 12/7/2021	170,000	170,000	170,000					170,000	100,000	100,000		
<b>II</b>	<b>Giao thông</b>						<b>4,255,217</b>	<b>2,784,212</b>	<b>2,362,037</b>	<b>510,627</b>		<b>984,862</b>	<b>318,152</b>	<b>1,377,175</b>	<b>192,475</b>	<b>1,551,797</b>	<b>1,027,175</b>	<b>192,475</b>
<b>II.1</b>	<b>Danh mục dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao tốc, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội</b>						<b>1,778,886</b>	<b>1,000,000</b>	<b>1,000,000</b>			<b>500,000</b>		<b>500,000</b>	<b>600,000</b>	<b>300,000</b>		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025								Nhu cầu và dự kiến KH vốn năm 2023		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT (lần cuối)		Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		KH vốn NSTW còn lại của giai đoạn 2023-2025		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước	Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước		Tổng số	Tr.đó, thu hồi vốn ứng trước
										Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=10-13	16=11-14	17	18	19
<b>(1)</b>	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>						<b>1,778,886</b>	<b>1,000,000</b>	<b>1,000,000</b>			<b>500,000</b>		<b>500,000</b>		<b>600,000</b>	<b>300,000</b>	
1	Xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương	A	Thanh Miện + Ninh Giang + Tứ Kỳ	36,49km	2021-2024	1643/QĐ-UBND, 03/6/2021; 22/NQ-HĐND, 12/7/2022	1,778,886	1,000,000	1,000,000			500,000		500,000		600,000	300,000	
<b>II.2</b>	<b>Danh mục dự án khác</b>						<b>2,476,331</b>	<b>1,784,212</b>	<b>1,362,037</b>	<b>510,627</b>		<b>484,862</b>	<b>318,152</b>	<b>877,175</b>	<b>192,475</b>	<b>951,797</b>	<b>727,175</b>	<b>192,475</b>
<b>(1)</b>	<b>Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</b>						<b>1,045,686</b>	<b>998,204</b>	<b>593,029</b>	<b>510,627</b>		<b>400,554</b>	<b>318,152</b>	<b>192,475</b>	<b>192,475</b>	<b>192,475</b>	<b>192,475</b>	<b>192,475</b>
1	Xây dựng nút giao lập thể tại điểm giao cắt giữa đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và đường 390	B	Thanh Hà, Nam Sách, TPHD	12 km đường và 01 cầu vượt QL5	KC: 2012; HT: 2021	3222, 11/9/2007; 3317, 06/12/2011; 2553, 01/11/2016; 3107, 10/12/2014; 2310, 10/9/2015; 1280, 18/5/2016; 1517, 12/6/2020	1,045,686	998,204	593,029	510,627		400,554	318,152	192,475	192,475	192,475	192,475	192,475
<b>(2)</b>	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2023</b>						<b>1,047,209</b>	<b>486,008</b>	<b>469,008</b>			<b>84,308</b>		<b>384,700</b>		<b>525,886</b>	<b>384,700</b>	
1	Xây dựng đường gom đường sắt Hà Nội - Hải Phòng, huyện Kim Thành	B	Kim Thành	4,26 km	2021-2023	4087; 31/12/2020	150,000	150,000	148,000			36,783		111,217		111,217	111,217	
2	Xây dựng cầu vượt tại nút giao giữa đường dẫn Cầu Hàn, đường Ngô Quyền và Quốc lộ 5, thành phố Hải Dương	B	TPHD	01 cầu vượt trên QL5	2020-2023	2618, 31/8/2020; 1068, 05/4/2021; 2042, 14/7/2021	427,389	200,000	185,000			47,525		137,475		137,475	137,475	
2	Đầu tư xây dựng đường dẫn cầu Đổng Việt kết nối với Quốc lộ 37, thành phố Chí Linh	B	Chí Linh	5,13 km	2022-2024	3849; 25/12/2021	469,820	136,008	136,008					136,008		277,194	136,008	
<b>(3)</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2023</b>						<b>383,436</b>	<b>300,000</b>	<b>300,000</b>					<b>300,000</b>		<b>233,436</b>	<b>150,000</b>	
1	Xây dựng đường tránh 391 đoạn qua địa bàn thị trấn Tứ Kỳ và xã Văn Tố, huyện Tứ Kỳ	B	Tứ Kỳ	2,16km	2023-2024	402; 28/01/2022	133,436	100,000	100,000					100,000		83,436	50,000	
2	Đường vào khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Đoạn từ Quốc lộ 37 vào chùa Côn Sơn)	B	Chí Linh	4,28km	2023-2024	23/NQ-HĐND, 12/7/2021	250,000	200,000	200,000					200,000		150,000	100,000	

**NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022		Dự kiến kế hoạch Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Nhu cầu và dự kiến KH 2023 cho nhiệm vụ, dự án từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT (lần cuối)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW	Tổng số		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2022		Tổng số		Trong đó, chuẩn bị đầu tư
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Tr.đó, chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Tr.đó, chuẩn bị đầu tư			
<b>TỔNG SỐ</b>						<b>619,999.4</b>	<b>304,999.4</b>			<b>304,999.4</b>				<b>304,999.4</b>		
<b>Dự án khởi công mới năm 2023</b>						<b>619,999.4</b>	<b>304,999.4</b>			<b>304,999.4</b>				<b>304,999.4</b>		
1	Đầu tư, phát triển Trường Cao đẳng nghề Hải Dương	B	Phường Ái Quốc, TP Hải Dương	2022-2024	14/NQ-HĐND, 24/6/2022	69,999.4	69,999.4			69,999.4				69,999.4		
2	Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương		tỉnh Hải Dương	2022-2024		550,000.0	235,000.0			235,000.0				235,000.0	Thông báo số 681/TTg-KTTH, 01/8/2022	

**NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư						KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu và dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2023					
							TMĐT (lần cuối)						Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022		Tổng số	Bao gồm				
							Số quyết định; ngày, tháng, năm (bao gồm lần đầu và các lần điều chỉnh, nếu có)	Bao gồm					Tổng số	Bao gồm		Tổng số		Bao gồm				
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng (vốn NSTW trong nước)	Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)			Vốn đối ứng (vốn NSTW trong nước)	Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)			
								Tổng số	Trong đó, vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt											
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó, vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Cấp phát từ NSTW	Vay lại	Tổng số	Vốn đối ứng (vốn NSTW trong nước)	Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng (vốn NSTW trong nước)	Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng (vốn NSTW trong nước)	Vốn nước ngoài (cấp phát từ NSTW)							
<b>TỔNG SỐ</b>							<b>1,774,584</b>	<b>443,646</b>		<b>1,330,938</b>	<b>399,281</b>	<b>931,657</b>	<b>288,040</b>		<b>288,040</b>	<b>336,684</b>		<b>132,720</b>	<b>120,000</b>		<b>120,000</b>	
<b>Lĩnh vực phát triển hạ tầng đô thị</b>							<b>1,774,584</b>	<b>443,646</b>		<b>1,330,938</b>	<b>399,281</b>	<b>931,657</b>	<b>288,040</b>		<b>288,040</b>	<b>336,684</b>		<b>132,720</b>	<b>120,000</b>		<b>120,000</b>	
<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>							<b>1,774,584</b>	<b>443,646</b>		<b>1,330,938</b>	<b>399,281</b>	<b>931,657</b>	<b>288,040</b>		<b>288,040</b>	<b>336,684</b>		<b>132,720</b>	<b>120,000</b>		<b>120,000</b>	
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	7677216	A	WB	Ngày 11/10/2019	Ngày 30/6/2025	967; 22/3/2019	1,774,584	443,646	59,119 triệu USD	1,330,938	399,281	931,657	288,040		288,040	336,684		132,720	120,000		120,000